

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TKD24B1**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02166**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Marketing**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453403020036	Nguyễn Quốc	An	14/05/2003			8	9.0	9.0		9.5		9.2
2	2453403020037	Trần Thái	An	13/05/2009			8	9.5	7.5		9.5		9.1
3	2453403020038	Đào Thị Mỹ	Anh	06/07/2009			6.5	5.0	10.0		9.3		8.5
4	2453403020039	Lê Ngọc Trâm	Anh	15/10/2009			8	10.0	10.0		5.3		7.0
5	2453403020040	Trần Thị Kim	Anh	07/12/2009			7	7.0	7.0		8.3		7.8
6	2453403020041	Trương Quỳnh	Anh	12/05/2009			6	5.0	8.0		5.3		5.7
7	2453403020042	Phạm Thế	Bảo	14/12/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
8	2453403020043	Trần Ngọc Minh	Châu	27/03/2009			8	8.0	10.0		9.0		8.9
9	2453403020044	Huỳnh Trang Khánh	Chi	15/05/2009			7	9.0	8.0		9.0		8.7
10	2453403020045	Trần Hữu	Duy	02/05/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
11	2453403020046	Trần Thị Ngọc	Hân	18/10/2009			7	6.0	8.0		0.0		2.8
12	2453403020047	Nguyễn Huỳnh Kiến	Huy	28/11/2009			7	7.5	9.0		5.5		6.5
13	2453403020048	Nguyễn Thị Quế	Hương	08/03/2009			8	10.0	8.0		9.5		9.2
14	2453403020049	Do Roh Mane Rid	Hwan	06/02/2009			7	8.0	10.0		5.8		6.9
15	2453403020050	Trần Hoàng Phúc	Khải	01/07/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
16	2453403020051	Đỗ Đăng	Khoa	23/11/2009			7	8.0	8.0		8.3		8.1
17	2453403020052	Ngô Tuấn	Kiệt	18/09/2009			8	9.0	7.0		6.5		7.1
18	2453403020053	Dương Thiên	Kim	16/11/2009			6	7.0	7.0		9.3		8.3
19	2453403020054	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	16/11/2009			8	8.0	9.5		8.8		8.7
20	2453403020055	Nguyễn Ngọc Xuân	Nghi	10/09/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
21	2453403020056	Lưu Hồng	Ngọc	27/06/2009			8	10.0	9.0		9.5		9.4
22	2453403020057	Tô Kim	Ngọc	24/09/2009			8	9.0	10.0		9.5		9.4
23	2453403020058	Lê Thị Thảo	Nguyên	16/02/2009			7	6.0	8.0		8.0		7.6
24	2453403020059	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	01/08/2009			8	9.0	8.0		8.8		8.6
25	2453403020060	Trần Thị Ý	Nhi	01/12/2009			6	7.0	8.0		9.0		8.3
26	2453403020061	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	04/11/2009			7	8.5	6.0		9.0		8.3
27	2453403020062	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	13/08/2009			8	10.0	10.0		6.8		7.9
28	2453403020063	Nguyễn Tỷ	Phú	15/04/2009			8	10.0	8.0		6.8		7.6
29	2453403020064	Nguyễn Hoàng	Phúc	31/08/2009			7	6.5	9.0		7.8		7.7
30	2453403020065	Nguyễn Ngọc Phát	Tài	08/08/2008			8	8.0	9.0		9.0		8.8
31	2453403020066	Nguyễn Thị Kim	Tho	26/02/2009			7	9.0	6.5		9.0		8.4
32	2453403020067	Trần Nguyễn Phước	Toàn	06/01/2009			7	9.5	7.5		8.5		8.4
33	2453403020068	Hứa Thị Cẩm	Tú	06/03/2009			6	7.0	7.0		9.5		8.4
34	2453403020069	Lê Ngọc Thảo	Vân	02/09/2009			7	8.0	8.0		9.5		8.8
35	2453403020070	Phạm Hồ Khánh	Vân	14/09/2009			8	8.0	10.0		9.5		9.2
36	2453403020071	Nguyễn Thị Thùy	Vương	16/01/2009			7	6.0	10.0		9.3		8.7

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2453403020072	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	27/08/2009				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
38	2453403020073	Nguyễn Thị Ngọc Yến	29/10/2009				8	10.0	9.0			9.5		9.4

Châu Đốc, ngày 7 tháng 2 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Dương Thị Bích Thủy